

Bản án số: 20/2025/HS-ST
Ngày 23-9-2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – VL**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Lộc.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Tài.

Ông Nguyễn Văn Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Sĩ - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 – VL.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – VL tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Xem - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 – VL xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 16/2025/TLST-HS ngày 16 tháng 9 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2025/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 9 năm 2025 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Ngọc N. Giới tính: Nữ.

- Tên gọi khác: Không.

- Sinh ngày: 19/3/1996, tại tỉnh Bến Tre (nay là tỉnh VL).

- Nơi cư trú: 1/6, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là 1/6, ấp T, xã Đ, tỉnh VL).

- Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

- Nghề nghiệp: nhân viên bán hàng.

- Trình độ học vấn: Lớp 12/12;

- Cha: Nguyễn Hữu N1, sinh năm 1971 (sống).

- Mẹ: Đỗ Thị Lệ T, sinh năm 1976 (sống).

- Chồng: Nguyễn Văn Tuấn A, sinh năm 1987.

Bị cáo có 01 người em ruột sinh năm 2004. Bị cáo có 02 người con ruột sinh năm 2017 và năm 2025.

- Tiền án, tiền sự: Không.

- Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 27/02/2025 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại toà.

*** Nguyên đơn dân sự:** Công ty trách nhiệm hữu hạn S và đồ uống WINBEE.
Địa chỉ: Lô A, khu công nghiệp G, xã G, tỉnh VL. Đại diện theo pháp luật: Bà

Huỳnh Dương Khiết M – Chức vụ Giám đốc.

Đại diện theo uỷ quyền của Công ty trách nhiệm hữu hạn S và đồ uống WINBEE: Ông Hồ Xuân Trung Đ, sinh năm 1988. Địa chỉ: ấp S, xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh (nay là ấp S, phường L, tỉnh VL). (có mặt)

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Ông Nguyễn Hữu N1, sinh năm 1971; (có mặt)
- Bà Đỗ Thị Lệ T, sinh năm 1976. (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

Cùng nơi cư trú: số A, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre. (nay là số A, ấp T, xã Đ, tỉnh VL).

*** Người làm chứng:**

- Bà Lâm Hoàng N2, sinh năm 1997. Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre. (nay là ấp T, xã P, tỉnh VL). (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)
- Bà Nguyễn Huỳnh Tiêu C, sinh năm 1988. Nơi cư trú: ấp H, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre. (nay là ấp H, xã H, tỉnh VL). (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn S (TNHH) sản xuất kinh doanh thực phẩm và đồ uống WINBEE (gọi tắt Công ty W) có địa chỉ tại Lô A, Khu công nghiệp G, xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là Lô A, Khu công nghiệp G, xã G, tỉnh VL) do bà Huỳnh Dương Khiết M, chức vụ: Giám đốc, là người đại diện theo pháp luật và có Giấy chứng nhận đăng ký kinh Doanh nghiệp số 1300662398, đăng ký lần đầu ngày 18/5/2011. Ngày 23/3/2023, Công ty W hợp đồng thuê nhà của gia đình Nguyễn Ngọc N tại địa chỉ số A, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là 1/6, ấp T, xã Đ, tỉnh VL) để mở Chi nhánh số 7 với tên gọi “Khiết Minh B” kinh doanh các loại bánh mì, bánh ngọt, bánh kem và kem tươi các loại; được cấp giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh số 00021, đăng ký lần đầu ngày 07/7/2022. Đồng thời, Công ty tuyển dụng Nguyễn Ngọc N làm việc tại tiệm bánh “Khiết Minh B” với công việc “Nhân viên bán hàng”. Đến ngày 01/6/2023 Công ty bổ nhiệm Nguyễn Ngọc N làm Cửa hàng trưởng. Nhiệm vụ của cửa hàng trưởng gồm: Quản lý tài sản, tài chính; theo dõi hoạt động nhập hàng từ công ty, ghi nhận doanh thu hàng ngày, lập báo cáo và nộp tiền về Công ty W qua tài khoản của Công ty là 601139028100001 (0918101252) mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần N3 theo định kỳ vào ngày thứ hai (nộp doanh thu cho các ngày thứ sáu, thứ bảy và chủ nhật), ngày thứ sáu (nộp doanh thu cho các ngày thứ hai, thứ ba, thứ tư, thứ năm). Thời gian đầu, do mới tuyển dụng, N chưa nắm rõ quy trình vận hành nên Công ty

cử Nguyễn Huỳnh Tiểu C là giám sát kinh doanh hỗ trợ, hướng dẫn công việc và trực tiếp phụ trách việc nộp tiền về Công ty. Đến ngày 08/9/2023, C bàn giao việc nộp tiền định kỳ cho N thực hiện. Đến ngày 04/10/2023, Nguyễn Ngọc N chính thức chịu trách nhiệm toàn bộ hoạt động của hàng và nộp tiền theo quy định nêu trên. Công ty W có quy trình quản lý hàng hóa, tài chính tại cửa hàng như sau: Công ty W thực hiện giao hàng định kỳ đến Chi nhánh số 7, Cửa hàng trưởng có nhiệm vụ kiểm tra số lượng, chất lượng, ký nhận phiếu giao hàng, đồng thời cùng nhân viên sắp xếp hàng hóa trưng bày lên kệ. Trong quá trình kinh doanh, khi khách hàng mua sản phẩm, nhân viên bán hàng ghi nhận thông tin gồm: loại hàng, số lượng, đơn giá vào sổ tay nhật ký bán hàng, cuối mỗi ngày Cửa hàng trưởng có trách nhiệm nhập dữ liệu vào máy tính (do Công ty C1), in phiếu xuất bán hàng; đồng thời, tổng hợp phiếu nhập hàng từ Công ty, phiếu xuất bán hàng trong ngày, hàng điều chuyển hoặc hàng hủy nếu có, cập nhật tổng hợp vào file Excel “Báo cáo hằng ngày”. Thứ hai hằng tuần, Cửa hàng trưởng thực hiện tổng hợp và nộp tiền bán hàng các ngày thứ sáu, thứ bảy, chủ nhật trước đó; đến thứ sáu thì tổng hợp và nộp tiền bán hàng các ngày thứ hai, thứ ba, thứ tư, thứ năm trong tuần; đồng thời rồi cập nhật vào file E “Báo cáo chuyển tiền”. Sau khi tổng kết, Cửa hàng trưởng có trách nhiệm chuyển báo cáo về Công ty W thông qua nhóm Zalo “Báo cáo WINBEE Bến Tre” và phải gửi kèm: ảnh chụp “Giấy nộp tiền” đã có chữ ký của nhân viên ngân hàng, dấu mộc đỏ xác nhận hoặc ảnh chụp màn hình điện thoại giao dịch chuyển khoản trực tuyến đã thành công, làm căn cứ xác nhận việc nộp tiền về công ty.

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Nguyễn Ngọc N nhận thấy quy trình kiểm tra, giám sát tài chính của Công ty có sơ hở nên nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền bán hàng của Công ty W tại “Khiết Minh B”. Để chiếm đoạt tiền của Công ty, trong khoảng thời gian từ ngày 18/9/2023 đến ngày 01/3/2024, N thực hiện các hành vi cụ thể như sau: Đến kỳ nộp tiền doanh thu vào ngày thứ hai và ngày thứ sáu hàng tuần), N đến Ngân hàng A1 Chi nhánh T1 xin mẫu giấy nộp tiền đem về điền đầy đủ thông tin người gửi, thông tin số tài khoản người nhận và số tiền cần nộp. Sau đó, N dùng điện thoại di động truy cập mạng xã hội Facebook, tìm dịch vụ làm giả giấy tờ ở mục tìm kiếm. Khi liên hệ được người nhận làm giả (Ngân không xác định được lai lịch) N chủ động nhắn tin thỏa thuận cách thức làm giả, số tiền phí. Sau khi thỏa thuận xong, N tiến hành chụp ảnh một giấy nộp tiền về công ty trước đây có chữ ký của giao dịch viên và dấu mộc đỏ “ĐÃ THU TIỀN” và một giấy nộp tiền làm giả cho dịch vụ làm giả, sau khi chụp hình xong thì N hủy bỏ mẫu giấy làm giả. Sau đó, dịch vụ làm giả gửi lại cho N hình ảnh “Giấy nộp tiền” được làm giả đã được chèn chữ ký của giao dịch viên và đóng dấu mộc đỏ “ĐÃ THU TIỀN” giống như đã thực hiện giao dịch tại Ngân hàng và N đã lưu vào điện thoại. Sau khi có “Giấy nộp tiền” giả, N tiếp tục gửi file E “Báo cáo

chuyển tiền” kèm theo ảnh chụp “Giấy nộp tiền” giả vào nhóm Z “Báo cáo WINBEE Bến Tre” cho bộ phận kế toán Công ty. Với thủ đoạn nêu trên, N đã thực hiện 23 lần làm giả giấy nộp tiền và 01 lần làm giả giao dịch chuyển khoản trực tuyến, sao đó chụp ảnh giao dịch với nội dung “CT DI: 326816175829 CH T2; tại iPay” gửi lên nhóm “Báo cáo WINBEE Bến Tre” và gửi cho riêng Lâm Hoàng N2 tổng hợp (thực tế N2 không chuyển tiền vào tài khoản Công ty W) để chiếm đoạt tổng số tiền 331.370.000 đồng, cụ thể:

- Lần 01 vào ngày 18/09/2023 chiếm đoạt số tiền 8.738.000 đồng (làm giả giao dịch chuyển khoản trực tuyến).

- Lần 02 vào ngày 02/10/2023, chiếm đoạt số tiền 12.109.000 đồng.
- Lần 03 vào ngày 13/10/2023, chiếm đoạt số tiền 9.546.000 đồng.
- Lần 04 vào ngày 20/10/2023, chiếm đoạt số tiền 11.640.000 đồng.
- Lần 05 vào ngày 26/10/2023, chiếm đoạt số tiền 11.630.000 đồng.
- Lần 06 vào ngày 03/11/2023, chiếm đoạt số tiền 4.178.000 đồng.
- Lần 07 vào ngày 06/11/2023, chiếm đoạt số tiền 14.796.000 đồng.
- Lần 08 vào ngày 11/11/2023, chiếm đoạt số tiền 10.500.000 đồng.
- Lần 09 vào ngày 13/11/2023, chiếm đoạt số tiền 18.507.000 đồng.
- Lần 10 vào ngày 20/11/2023, chiếm đoạt số tiền 10.488.000 đồng.
- Lần 11 vào ngày 27/11/2023, chiếm đoạt số tiền 9.180.000 đồng.
- Lần 12 vào ngày 01/12/2023, chiếm đoạt số tiền 9.133.000 đồng.
- Lần 13 vào ngày 08/12/2023, chiếm đoạt số tiền 15.036.000 đồng.
- Lần 14 vào ngày 15/12/2023, chiếm đoạt số tiền 16.790.000 đồng.
- Lần 15 vào ngày 22/12/2023, chiếm đoạt số tiền 17.638.000 đồng.
- Lần 16 vào ngày 08/01/2024, chiếm đoạt số tiền 20.400.000 đồng.
- Lần 17 vào ngày 15/01/2024, chiếm đoạt số tiền 16.285.000 đồng.
- Lần 18 vào ngày 22/01/2024, chiếm đoạt số tiền 16.916.000 đồng.
- Lần 19 vào ngày 01/02/2024, chiếm đoạt số tiền 19.600.000 đồng.
- Lần 20 vào ngày 02/02/2024, chiếm đoạt số tiền 15.099.000 đồng.
- Lần 21 vào ngày 16/02/2024m, chiếm đoạt số tiền 27.907.000 đồng.
- Lần 22 vào ngày 23/02/2024, chiếm đoạt số tiền 13.500.000 đồng.
- Lần 23 vào ngày 26/02/2024, chiếm đoạt số tiền 8.720.000 đồng.
- Lần 24 vào ngày 01/3/2024, chiếm đoạt số tiền 13.034.000 đồng.

Ngoài ra, doanh thu bán hàng từ ngày 01/3/2024 đến ngày 09/3/2024, N2 không nộp về công ty theo quy định và chiếm đoạt số tiền 29.070.000 đồng, cụ thể:

- Kỳ nộp tiền ngày 04/3/2025 (ngày thứ hai) chiếm đoạt tổng số tiền bán hàng là 6.570.000 đồng, gồm:

- + Ngày 01/3/2024 là 2.020.000 đồng.
- + Ngày 02/3/2024 là 2.020.000 đồng.
- + Ngày 03/3/2024 là 2.530.000 đồng.

- Kỳ nộp tiền ngày 08/3/2025 (ngày thứ sáu) chiếm đoạt tổng số tiền bán hàng là 8.430.000 đồng, gồm:

- + Ngày 04/3/2024 là 2.020.000 đồng.
- + Ngày 05/3/2024 là 2.000.000 đồng.
- + Ngày 06/3/2024 là 2.155.000 đồng.
- + Ngày 07/3/2024 là 2.255.000 đồng.

Ngoài ra, N2 còn chiếm đoạt tiền bán hàng vào ngày 08/3/2024 là 11.060.000 đồng và ngày 09/3/2024 là 3.010.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền Nguyễn Ngọc N chiếm đoạt của Công ty W là 360.440.000 đồng (số tiền mỗi lần chiếm đoạt đều lớn hơn 2.000.000 đồng).

Tất cả các Giấy nộp tiền giả, sau khi chụp hình xong, N đã hủy bỏ nên không thu hồi được màn hình cảm ứng, số sim 148295, số imaing phong bì ký hiệu 124/2021 có chữ ký ghi tên 55555555555555555555

Để phục vụ quá trình giải quyết vụ án, Cơ quan Cảnh sát điều tra thu giữ:

- 01 điện thoại hiệu điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy M51, số kiểu máy: SM-M515F/DSN, số IMEI1: 353544561136755, số IMEI2: 353914471136759; bên trong có gắn một thẻ sim số: 0338788498, trên sim có dây số: 8984048000066848069 do Lâm Hoàng N2 giao nộp.

- 01 con dấu bằng nhựa màu đỏ, hình chữ nhật, mặt in dấu có nội dung chữ “ĐÃ THU TIỀN” (mực màu đỏ), kích thước (2,5 x 05) cm do Công ty W giao nộp.

- 01 “Giấy nộp tiền”, đề ngày 26/02/2024 mang tên khách hàng nộp tiền “Nguyễn Ngọc N” (ký hiệu A).

- 01 “Giấy nộp tiền”, đề ngày 16/10/2023 mang tên khách hàng nộp tiền “Nguyễn Ngọc N” có đóng dấu “ĐÃ THU TIỀN”.

- 28 bản sao “giấy nộp tiền”, không thu được bản gốc.

- 01 ảnh chụp “Giấy nộp tiền” có ghi rõ thông tin người nộp là Nguyễn Ngọc N.

- 01 ảnh chụp lịch sử giao dịch, có số thông tin tài khoản của Nguyễn Ngọc N.

- Sao kê tài khoản khách hàng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần N3- Chi nhánh B1.

- 04 chứng từ giao dịch của Nguyễn Ngọc N tại A1.

Tại Kết luận giám định số 417/2024/KL-KTHS ngày 30/6/2024 của Phòng K Công an tỉnh B (nay là tỉnh VL) đối với điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy M51, số kiểu máy: SM-M515F/DSN, số IMEI1: 353544561136755, số IMEI2: 353914471136759; bên trong có gắn một thẻ sim số: 0338788498, trên sim có dây

số: 8984048000066848069, kết luận: Trích xuất dữ liệu gồm: danh bạ, nhật ký cuộc gọi, tin nhắn SMS, Z, Facebook, M1, hình ảnh, âm thanh, video lưu trong điện thoại gửi giám định. Tất cả được trích xuất lưu trong một tập tin (folder) tên “Dữ liệu trích xuất kèm theo KLGD 417_2024.iso”, dung lượng: 369,941,053,440 bytes, mã MD5: “086476BFCD51CC10F6EF23C004F17CA1”.

Tại Kết luận giám định số 670/2024/KL-KTHS ngày 22/8/2024 của Phòng K Công an tỉnh V kết luận: Chữ viết trên mẫu cần giám định (ký hiệu A) so với chữ viết mang tên “Nguyễn Ngọc N” trên mẫu so sánh (ký hiệu M) do cùng một người viết ra.

Tại Bản cáo trạng số 14/CT-VKSKV9 ngày 11 tháng 9 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – VL truy tố bị cáo Nguyễn Ngọc N về “Tội tham ô tài sản” theo điểm c, d khoản 2 Điều 353 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017).

Tại phiên tòa:

- Bị cáo Nguyễn Ngọc N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Bị cáo đã bồi thường xong tiền chiếm đoạt cho Công ty W là 360.440.000 đồng, người diện của Công ty W có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và yêu cầu cho N hưởng án treo. Sau khi bị khởi tố điều tra, Nguyễn Ngọc N có thai đến ngày 20/4/2025 đã sinh con; hiện đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hữu N1 không có yêu cầu bị cáo N phải trả lại cho ông số tiền 330.763.000 đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – VL giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: bảo lưu quan điểm cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo Nguyễn Ngọc N đề nghị Hội đồng xét xử:

Về trách nhiệm hình sự:

- Đề nghị tuyên bố bị cáo Nguyễn Ngọc N phạm “Tội tham ô tài sản”.

- Áp dụng điểm c, d khoản 2 Điều 353; điểm b, n, s khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51; các Điều 38, 54 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc N từ 02 năm đến 03 năm tù, thời hạn tù tính từ bị cáo chấp hành án.

* Về xử lý vật chứng:

Áp dụng Điều 106 BLTTHS, Điều 46, 48 BLHS đề nghị: Ghi nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả cho bà Lâm Hoàng N2 01 điện thoại hiệu điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy M51, số kiểu máy: SM-M515F/DSN, số IMEI1: 353544561136755, số IMEI2: 353914471136759; bên trong có gắn một thẻ sim số: 0338788498, trên sim có dãy số: 8984048000066848069 và trả Công ty

WINBEE 01 con dấu bằng nhựa màu đỏ, hình chữ nhật, mặt in dấu có nội dung chữ “ĐÃ THU TIỀN”, kích thước (2,5 x 05) cm.

- Bị cáo không tranh luận gì thêm.

- Bị cáo nói lời sau cùng: bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh V, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – VL, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa; bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; tại phiên tòa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị Lệ T và người chứng kiến bà Lâm Hoàng N2, bà Nguyễn Huỳnh Tiểu C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và đã có lời khai trong quá trình điều tra làm rõ tình tiết của vụ án, việc vắng mặt của họ không làm ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại các Điều 292, 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra; phù hợp với lời khai của nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, vật chứng được thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định:

Nguyễn Ngọc N làm nhân viên của Công ty W và giữ chức vụ Cửa hàng trưởng cửa hàng “Khiết Minh B” (chi nhánh S1), thuộc Công ty W ở ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là ấp T, xã Đ, tỉnh VL). Nhiệm vụ của N là quản lý tài sản, tài chính; theo dõi hoạt động nhập hàng từ công ty, ghi nhận doanh thu hàng ngày, lập báo cáo và nộp tiền về Công ty W qua tài khoản của Công ty là 601139028100001 (0918101252) mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần N3 theo định kỳ vào ngày thứ hai (nộp doanh thu cho các ngày thứ sáu, thứ bảy và chủ nhật), ngày thứ sáu (nộp doanh thu cho các ngày thứ hai, thứ ba, thứ tư, thứ năm). Lợi dụng chức vụ quyền hạn được giao, trong khoảng thời gian từ ngày 18/9/2023 đến ngày 09/3/2024, Nguyễn Ngọc N đã thực hiện 01 lần làm giả giao dịch chuyển khoản trực tuyến không chuyển tiền về Công ty W để chiếm đoạt với số tiền với số tiền 8.738.000 đồng, 23 lần làm giả giấy nộp tiền không nộp tiền về Công ty W

để chiếm đoạt tổng số tiền 322.632.000 đồng và không nộp tiền bán hàng theo định kỳ từ ngày 01/3/2024 đến ngày 09/3/2024 đã chiếm đoạt tổng số tiền 29.070.000 đồng. Tổng số tiền Nguyễn Ngọc N đã chiếm đoạt của ông ty Công ty W là 360.440.000 đồng và số tiền mỗi lần chiếm đoạt đều lớn hơn 2.000.000 đồng.

Như vậy, hành vi của bị cáo Nguyễn Ngọc N đã thỏa mãn điều kiện chủ thể theo quy định tại khoản 6 Điều 353 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017) nên hành vi của bị cáo N đã đủ yếu tố cấu thành “Tội tham ô tài sản” theo điểm c, d khoản 2 Điều 353 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017);

Vì vậy Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – VL đã truy tố bị cáo Nguyễn Ngọc N về “Tội tham ô tài sản” theo điểm c, d khoản 2 Điều 353 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017) là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[3] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Xét thấy quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay: bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bồi thường khắc phục toàn bộ hậu quả và sau khi bị khởi tố bị cáo có thai, hiện nay đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi và nguyên đơn dân sự cũng có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo nên bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, n, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Xét hành vi phạm tội của bị cáo là rất nghiêm trọng, bị cáo lợi dụng nhiệm vụ và quyền hạn do mình được giao quản lý đã thực hiện hành vi xâm hại đến hoạt động đúng đắn của cơ quan, tổ chức được pháp luật bảo vệ. Bị cáo nhận thức được việc làm của mình là sai và vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện nhằm mục đích có tiền để thỏa mãn cho nhu cầu tiêu xài cá nhân nên cần phải xử bị cáo với mức án thật nghiêm cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định mới tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra. Tuy nhiên bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nên cần áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt cũng đủ sức giáo dục, răn đe bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Xét yêu cầu được hưởng án treo của bị cáo N thấy rằng hành vi phạm tội của bị cáo N là rất nghiêm trọng và phạm tội nhiều lần nên không đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định tại các Điều 2, 3 Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, được hợp nhất tại Văn bản số 02/VBHN-TANDTC ngày 07/9/2022 của Tòa án nhân dân tối cao.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 353 Bộ luật Hình sự năm 2015 thì “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng”; do đó, bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo không có điều kiện kinh tế nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Xét tại phiên tòa hôm nay, người đại diện theo uỷ quyền của Công ty trách nhiệm hữu hạn S và đồ uống WINBEE là ông Hồ Xuân Trung Đ đã có văn bản xác định bị cáo đã bồi thường toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt của Công ty với tổng số tiền 360.440.000 đồng và không có yêu cầu gì thêm.

[8] Về xử lý vật chứng: Áp dụng các Điều 46, 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Ghi nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả cho bà Lâm Hoàng N2 01 điện thoại hiệu điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy M51, số kiểu máy: SM-M515F/DSN, số IMEI1: 353544561136755, số IMEI2: 353914471136759; bên trong có gắn một thẻ sim số: 0338788498, trên sim có dây số: 8984048000066848069 và trả Công ty WINBEE 01 con dấu bằng nhựa màu đỏ, hình chữ nhật, mặt in dấu có nội dung chữ “ĐÃ THU TIỀN”, kích thước (2,5 x 05) cm.

[9] Các vấn đề khác:

Đối với hành làm giả và sử dụng các Giấy nộp tiền và giao dịch chuyển khoản trực tuyến của Nguyễn Ngọc N: Do không thu được bản chính của các Giấy nộp tiền, tài liệu làm giả nên không có căn cứ chứng minh tội phạm “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

L luận tội và tranh luận của Kiểm sát viên về điều khoản, tội danh, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và mức hình phạt đề nghị áp dụng đối với bị cáo là có căn cứ nên được chấp nhận.

[10] Về án phí: Buộc bị cáo N phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Ngọc N phạm “Tội tham ô tài sản”.

- Áp dụng điểm c, d khoản 2 Điều 353; điểm b, n, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; các Điều 38, 54 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc N 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

2. Về xử lý vật chứng và áp dụng biện pháp tư pháp: Áp dụng các Điều 46, 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Ghi nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả cho bà Lâm Hoàng N2 01 điện thoại hiệu điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy M51, số kiểu máy: SM-M515F/DSN, số IMEI1: 353544561136755, số IMEI2: 353914471136759; bên trong có gắn một thẻ sim số: 0338788498, trên sim có dãy số: 8984048000066848069 và trả Công ty WINBEE 01 con dấu bằng nhựa màu đỏ, hình chữ nhật, mặt in dấu có nội dung chữ “ĐÃ THU TIỀN”, kích thước (2,5 x 05) cm.

3. Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Ngọc N phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền và thời hạn kháng cáo: Bị cáo có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ) về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh VL;
- VKSND tỉnh VL;
- Phòng Hồ sơ Công an tỉnh VL;
- VKSND khu vực 9 – VL;
- Phòng THADS khu vực 9 – VL;
- Phân trại tạm giam M;
- Công an xã Đ;
- Bị cáo; Nguyên đơn dân sự;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**
(đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Hữu Lộc